

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỤC CHÍNH SÁCH - XÃ HỘI

VĂN
BẢN
ĐIỆN
TỬ
ĐỀN

Số: 4414.....

Ngày: 25/02/2026.....

Chuyên:.....

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ

Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.

2. Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

3. Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Thi hành Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ (gọi tắt là Nghị định

159/2006/NĐ-CP), Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau¹:

¹ Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 159/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2006/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2011/NĐ-CP);

Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC) như sau,

Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN²

1. Đối tượng áp dụng

Quân nhân nhập ngũ từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội, hiện không thuộc diện đang được hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động, chế độ bệnh binh hàng tháng, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01 tháng 4 năm 2000;
- b) Thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên đang điều trị tại các trung tâm điều dưỡng thương binh hoặc từ trung tâm điều dưỡng thương binh đã về gia đình trước ngày 01 tháng 4 năm 2000;
- c) Quân nhân chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng rồi thôi việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995; đã có quyết định chuyển ngành trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 nhưng không thực hiện được hoặc quân nhân đã về địa phương mà chưa giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ;
- d) Quân nhân phục viên, xuất ngũ đi lao động hợp tác quốc tế hoặc được cử đi lao động hợp tác quốc tế về nước đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01 tháng 4 năm 2000.

2. Đối tượng không áp dụng

Đối tượng quy định tại khoản 1 Mục này không được hưởng chế độ quy định tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Đào ngũ, đầu hàng, phản bội, chiêu hồi;
- b) Vi phạm pháp luật đang chấp hành án tù chung thân; đang thi hành án tù giam; bị kết án về một trong các tội về xâm phạm an ninh quốc gia mà chưa được xóa án tích;

Căn cứ Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách."

² Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLDTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLDTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.

c) Xuất cảnh trái phép hoặc đang bị Tòa án tuyên bố là mất tích.

II. CHẾ ĐỘ ĐƯỢC HƯỞNG

1.³ Thời gian công tác để tính hưởng chế độ hưu trí

a) Thời gian công tác thực tế trong Quân đội được coi là đã đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng chế độ hưu trí quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 159/2006/NĐ-CP bao gồm thời gian là sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ, công nhân viên chức quốc phòng (kể cả thời gian công tác trong lực lượng Công an nhân dân sau đó chuyển sang Quân đội nhân dân, nếu có). Thời gian công tác trong Quân đội nếu có gián đoạn thì được cộng dồn.

Đối với các trường hợp chuyển ngành rồi thôi việc; hoặc đã phục viên, xuất ngũ một thời gian rồi tiếp tục làm việc ở cơ quan, đơn vị, tổ chức ngoài Quân đội hoặc đi lao động hợp tác quốc tế, sau đó lại phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc thương binh nặng đang điều dưỡng tại các trung tâm điều dưỡng thuộc ngành Nội vụ⁴ quản lý thì thời gian công tác ngoài Quân đội, thời gian lao động hợp tác quốc tế, thời gian điều dưỡng tại các trung tâm điều dưỡng thuộc ngành Nội vụ⁵ quản lý không được tính hưởng chế độ hưu trí quy định tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP.

b) Thời gian tính hưởng chế độ hưu trí nếu có tháng lẻ thì dưới 3 tháng không tính, có từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính bằng nửa (1/2) mức hưởng của một năm đóng bảo hiểm xã hội, có từ trên 6 tháng đến 12 tháng được tính bằng mức hưởng của một năm đóng bảo hiểm xã hội.

c) Đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Mục I Thông tư này đã được giải quyết chế độ hưu trí theo quy định tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP trước ngày 01 tháng 4 năm 2011, nếu có thời gian công tác thực tế trong Quân đội tăng lên (thời gian là Công an nhân dân, công nhân viên chức quốc phòng) thì được điều chỉnh tỷ lệ % lương hưu tương ứng với thời

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.

⁴ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁵ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

gian công tác thực tế theo quy định kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2010.

Ví dụ 1a: Ông Nguyễn Văn A, nhập ngũ tháng 3/1973, đến tháng 3/1986 chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng, tháng 9/1989 chuyển sang quân nhân, tháng 9/1993 chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng, ông Nguyễn Văn A nghỉ công tác hưởng chế độ thôi việc từ tháng 12/1994. Theo quy định, thời gian phục vụ trong Quân đội được tính hưởng chế độ hưu trí của ông A là: 21 năm 9 tháng (từ tháng 3/1973 đến tháng 11/1994).

Ví dụ 1b: Ông Nguyễn Văn B, nhập ngũ tháng 3/1971, đến tháng 9/1992 chuyển ngành, ông B nghỉ công tác hưởng chế độ thôi việc từ tháng 12/1994. Theo quy định, thời gian phục vụ trong Quân đội được tính hưởng chế độ hưu trí của ông B là: 21 năm 7 tháng (từ tháng 3/1971 đến tháng 9/1992).

Ví dụ 1c: Ông Nguyễn Văn C, vào Công an nhân dân tháng 3/1971, đến tháng 3/1976 chuyển sang Quân đội nhân dân, ông C thôi phục vụ tại ngũ hưởng chế độ phục viên tháng 10/1993. Theo quy định, thời gian phục vụ Công an và Quân đội được tính hưởng chế độ hưu trí của ông C là: 22 năm 7 tháng (từ tháng 3/1971 đến tháng 9/1993).

Ví dụ 1d: Ông Nguyễn Văn D, vào Công an nhân dân tháng 5/1969, đến tháng 3/1971 chuyển sang quân nhân Quân đội nhân dân, ông D thôi phục vụ tại ngũ hưởng chế độ phục viên tháng 10/1993. Tháng 10/2008 ông D có Quyết định của Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo Nghị định số 159/2006/NĐ-CP kể từ ngày 01/01/2007, thời gian công tác để tính hưởng chế độ là 22 năm 7 tháng (từ tháng 3/1971 đến tháng 9/1993), tương ứng với tỷ lệ % lương hưu được hưởng là 61%. Theo quy định, kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 ông D được điều chỉnh thời gian công tác để tính hưởng chế độ là 24 năm 5 tháng (từ tháng 5/1969 đến tháng 9/1993), tương ứng với tỷ lệ % lương hưu được hưởng là 64%.

2. Lương hưu hàng tháng quy định tại khoản 1, Điều 3, Nghị định số 159/2006/NĐ-CP thực hiện như sau

Quân nhân có thời gian công tác theo quy định tại khoản 1, Mục II Thông tư này có đủ 15 năm tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội (BHXH); sau đó, từ năm thứ 16 trở đi, cứ thêm một năm đóng BHXH được tính thêm 2% đối với nam và 3% đối với nữ. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH.

Ví dụ 1: Ông Lê Văn Kim, Thiếu tá, Tiểu đoàn trưởng, sinh 1952, nhập ngũ tháng 9/1970, có 23 năm, 5 tháng phục vụ Quân đội; phục viên tháng 02/1994; nay được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, cách tính tỷ lệ lương hưu như sau:

- Đủ 15 năm = 45%;

- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 23 (8 năm): $2\% \times 8 (\text{năm}) = 16\%$;
- Có 5 tháng lẻ được tính thêm: $2\% \times 0,5 = 1\%$;
- Tỷ lệ % lương hưu của ông Kim là: $45\% + 16\% + 1\% = 62\%$.

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị Hà, Đại úy, sinh 1943, nhập ngũ tháng 01/1961, có 20 năm, 01 tháng phục vụ Quân đội; phục viên tháng 02/1981; nay được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, cách tính tỷ lệ lương hưu như sau:

- Đủ 15 năm = 45%;
- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 20 (5 năm): $3\% \times 5 (\text{năm}) = 15\%$;
- Tỷ lệ % lương hưu của bà Hà là: $45\% + 15\% = 60\%$.

3.⁶ Tiền lương tháng làm căn cứ để tính lương hưu

a) Tiền lương tháng làm căn cứ để tính lương hưu bao gồm lương cấp hàm, ngạch, bậc và phụ cấp thâm niên, phụ cấp chức vụ (nếu có) trong 5 năm cuối trước khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành; hoặc trước khi chuyển sang trung tâm điều dưỡng thương binh thuộc ngành Nội vụ⁷ được chuyển đổi thành hệ số lương, phụ cấp tương ứng quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang (mức lương quân hàm Thượng sĩ chuyên nghiệp, Chuẩn úy tính bằng hệ số 3,0). Tiền lương tối thiểu để làm cơ sở tính lương hưu là mức 290.000 đồng/tháng.

Ví dụ 3: Ông Lê Văn Kim (nêu tại ví dụ 1) nay được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng; diễn biến tiền lương trong 5 năm cuối (60 tháng) của ông Kim như sau:

- Từ tháng 02/1989 đến tháng 7/1991 (30 tháng) cấp bậc Đại úy (hệ số 4,15); thâm niên 20%; phụ cấp chức vụ Tiểu đoàn trưởng (hệ số 0,35).

$$(290.000 \text{ đồng} \times 4,15 \times 1,20 \times 30^{\text{th}}) + (290.000 \text{ đồng} \times 0,35 \times 30^{\text{th}}) = 46.371.000 \text{ đồng}.$$

⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.

⁷ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

- Từ tháng 8/1991 đến 01/1994 (30 tháng) cấp bậc Thiếu tá (hệ số 4,80); thâm niên 23%; phụ cấp chức vụ Tiểu đoàn trưởng (hệ số 0,35).

$(290.000 \text{ đồng} \times 4,80 \times 1,23 \times 30^{\text{th}}) + (290.000 \text{ đồng} \times 0,35 \times 30^{\text{th}}) = 54.409.800 \text{ đồng}.$

Mức lương làm căn cứ tính lương hưu của ông Kim là:

$(46.371.000 \text{ đồng} + 54.409.800 \text{ đồng}) : 60 \text{ tháng} = 1.679.680 \text{ đồng/tháng}.$

Cách tính lương hưu hàng tháng của ông Kim được tính đến thời điểm trước 01/10/2004 là: $1.679.680 \text{ đồng} \times 62\% = 1.041.402 \text{ đồng/tháng}.$

b) Trường hợp đối tượng có thời gian hưởng lương dưới 5 năm (60 tháng) thì mức lương làm căn cứ tính lương hưu được tính bình quân của tổng số tháng hưởng lương.

Ví dụ 4: Ông Nguyễn Văn Hiền, sinh 1940, nhập ngũ tháng 01/1958, có 20 năm, 02 tháng phục vụ Quân đội; phục viên tháng 03/1978; tháng 5/1974 được phong quân hàm Chuẩn úy; tháng 5/1976 được thăng quân hàm Thiếu úy.

Cách tính mức lương làm căn cứ tính lương hưu của ông Hiền là:

- Từ tháng 5/1974 đến tháng 4/1976 là 24 tháng; cấp bậc chuẩn úy, hệ số lương 3,0; thâm niên 18%.

$290.000 \text{ đồng} \times 3,0 \times 1,18 \times 24^{\text{th}} = 24.638.400 \text{ đồng}.$

- Từ tháng 5/1976 đến tháng 02/1978 là 22 tháng; thâm niên 20%.

$290.000 \text{ đồng} \times 3,20 \times 1,20 \times 22^{\text{th}} = 24.499.200 \text{ đồng}.$

Mức lương bình quân làm căn cứ tính lương hưu là:

$(24.638.400 \text{ đồng} + 24.499.200 \text{ đồng}) : 46^{\text{th}} = 1.068.208 \text{ đồng/tháng}.$

c) Đối với các đối tượng chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng sau đó thôi việc khi tính lương hưu được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo hiểm xã hội tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân.

d) Trường hợp cá biệt, hồ sơ của đối tượng chỉ chứng minh được mức quân hàm hoặc mức lương cuối cùng trước khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành thì áp dụng thời gian giữ cấp bậc quân hàm theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (năm 1981) hoặc thời gian giữ bậc lương theo quy định của Nhà nước để xác định diễn biến tiền lương 5 năm cuối làm căn cứ tính lương hưu.

4.⁸ Cách tính lương hưu

a) Đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Mục I Thông tư này được áp dụng điều chỉnh như các đối tượng hưởng lương hưu hàng tháng trước tháng 10 năm 2004 quy định tại Nghị định số 208/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 về việc điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội; Nghị định số 117/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 về việc điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội, Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu chung; Nghị định số 93/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc và Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu chung.

b) Đối với đối tượng quy định tại điểm c, d khoản 1 Mục I Thông tư này được áp dụng điều chỉnh như các đối tượng tại điểm a khoản này và được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 166/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2007 về việc quy định mức lương tối thiểu chung; Nghị định số 101/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2008 về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc; Nghị định số 34/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2009 về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc và Nghị định số 29/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc (Bảng điều chỉnh, Phụ lục 1 kèm theo Thông tư).

Ví dụ 5: Trường hợp ông Kim (nêu tại ví dụ 1 và 3), cấp bậc Thiếu tá (hệ số 4,80) cách tính mức lương hưu từ tháng 10/2004 trở đi như sau:

- Từ tháng 10/2004 được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 208/2004/NĐ-CP tăng thêm 10%:

$$1.041.402 \text{ đồng/tháng} \times 1,10 = 1.145.542 \text{ đồng/tháng.}$$

- Từ tháng 10/2005 được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 117/2005/NĐ-CP tăng thêm 8%; Nghị định số 118/2005/NĐ-CP tăng thêm 20,7%:

$$1.145.542 \text{ đồng/tháng} \times 1,08 = 1.237.185 \text{ đồng/tháng;}$$

$$1.237.185 \text{ đồng/tháng} \times 1,207 = 1.493.283 \text{ đồng/tháng.}$$

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.

- Từ tháng 10/2006 trở đi được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 93/2006/NĐ-CP tăng thêm 8%; Nghị định số 94/2006/NĐ-CP tăng thêm 28,6%:

$$1.493.283 \text{ đồng/tháng} \times 1,08 = 1.612.745 \text{ đồng/tháng};$$

$$1.612.745 \text{ đồng/tháng} \times 1,286 = 2.073.990 \text{ đồng/tháng}.$$

- Lương hưu của ông Kim thực tế được nhận từ tháng 01/2007 là 2.073.990 đồng/tháng.

Ví dụ 5a: Trường hợp ông Kim (nêu tại ví dụ 1; 3 và 5) nhưng thuộc đối tượng được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2010, cách tính lương hưu của ông Kim được tính như sau:

- Từ tháng 01/01/2008 được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 166/2007/NĐ-CP tăng thêm 20%:

$$2.073.990 \text{ đồng/tháng} \times 1,20 = 2.488.788 \text{ đồng/tháng}.$$

- Từ tháng 10/2008 được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 101/2008/NĐ-CP tăng thêm 15%:

$$2.488.788 \text{ đồng/tháng} \times 1,15 = 2.862.106 \text{ đồng/tháng}.$$

- Từ tháng 5/2009 được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 34/2009/NĐ-CP tăng thêm 5%:

$$2.862.106 \text{ đồng/tháng} \times 1,05 = 3.005.211 \text{ đồng/tháng}.$$

- Từ tháng 5/2010 được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 29/2010/NĐ-CP tăng thêm 12,3%:

$$3.005.211 \text{ đồng/tháng} \times 1,123 = 3.374.852 \text{ đồng/tháng}.$$

- Lương hưu của ông Kim thực tế được nhận từ tháng 5/2010 là 3.374.852 đồng/tháng.

5. Đối tượng thuộc diện hưởng sinh hoạt phí (hạ sỹ quan - binh sỹ) thì mức lương hưu hàng tháng được hưởng bằng mức lương tối thiểu chung, do Chính phủ quy định cho từng thời kỳ.

Ví dụ 6: Ông Nguyễn Văn Yên, sinh năm 1949, nhập ngũ tháng 4/1967, Thượng sỹ, Trung đội phó, thương binh có tỷ lệ thương tật 86%, tháng 6/1988 chuyển về trại điều dưỡng của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; có 21 năm, 02 tháng phục vụ Quân đội. Lương hưu hàng tháng của ông Yên được nhận từ tháng 01/2007 bằng mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định là 450.000 đồng/tháng.

6. Đối tượng được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại khoản 1, Điều 4, Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ được hưởng chế độ bảo hiểm y tế; khi chết, người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng, thân nhân được nhận chế độ tuất hàng tháng hoặc chế độ

tuất một lần theo quy định hiện hành của pháp luật về BHXH.

7.⁹ Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Mục I Thông tư này đã từ trần trước ngày 01 tháng 01 năm 2007 và đối tượng quy định tại điểm c, d khoản 1 Mục I Thông tư này đã từ trần trước ngày 01 tháng 4 năm 2011 thì một trong các thân nhân của đối tượng (vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi; bố đẻ, mẹ đẻ hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp) được đại diện nhận chế độ một lần bằng 3.600.000 đồng. Đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Mục I Thông tư này từ trần từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 và đối tượng quy định tại điểm c, d khoản 1 Mục I Thông tư này từ trần từ ngày 01 tháng 4 năm 2011, chưa được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng thì thân nhân của đối tượng được truy lĩnh tiền lương hưu từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 hoặc từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 đến tháng đối tượng từ trần.

III. HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1.¹⁰ Hồ sơ xét hưởng chế độ

a) Giấy tờ làm căn cứ xét hưởng chế độ gồm một hoặc một số giấy tờ sau:

Quyết định phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng rồi thôi việc, quyết định của cơ quan có thẩm quyền cử đi lao động hợp tác quốc tế; lý lịch quân nhân, lý lịch cán bộ công chức, viên chức, lý lịch cán bộ hoặc bản trích yếu 63 đối với sỹ quan; lý lịch đảng viên; phiếu lập sổ trợ cấp phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành; sổ bảo hiểm xã hội; quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hoặc bản trích lục hồ sơ thương tật (đối với thương binh).

Giấy xác nhận quá trình công tác của cơ quan, đơn vị cũ trước khi quân nhân phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành thôi việc, do thủ trưởng cơ quan, đơn vị từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên theo phân cấp quản lý đối tượng trước khi phục viên, xuất ngũ hoặc cử đi lao động hợp tác quốc tế, chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên quốc phòng rồi thôi việc cấp, ký, đóng dấu, kèm

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.

theo bản photocopy hồ sơ của đối tượng hoặc danh sách đăng ký, quản lý đối tượng mà cơ quan, đơn vị đang lưu trữ để làm căn cứ xác nhận; đối với các đối tượng còn giấy tờ, hồ sơ gốc tại đơn vị cũ thì đơn vị cũ thực hiện việc cấp lại cho đối tượng theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực hiện hành. Trường hợp cơ quan, đơn vị cũ đã sáp nhập hoặc giải thể thì do cơ quan, đơn vị mới được thành lập sau sáp nhập hoặc cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị đã giải thể xác nhận, cấp lại.

Các giấy tờ làm căn cứ xét hưởng chế độ nêu trên (bao gồm bản chính hoặc bản sao của cấp có thẩm quyền) phải chứng minh được tháng, năm nhập ngũ, xuất ngũ, đi lao động hợp tác quốc tế; chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng rồi thôi việc; xác định được thời gian công tác thực tế trong Quân đội.

b) Hồ sơ xét hưởng chế độ

- Hồ sơ xét hưởng chế độ hưu trí hàng tháng được lập thành 5 bộ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị của đối tượng (Mẫu số 01-NĐ159-11);

+ Một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét hưởng chế độ quy định tại điểm a khoản 1 Mục này.

+ Quyết định thực hiện chế độ hưu trí của Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (Mẫu số 05-NĐ159-11);

+ Công văn đề nghị của các cấp (Mẫu số 04-NĐ159-11) đối với cấp tỉnh (thành phố); Mẫu số 06-NĐ159-11 đối với cấp quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

Đối với các trường hợp có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Mục I Thông tư này bị kết án tù giam, nhưng đã chấp hành xong án phạt tù, chuyển về địa phương mà chưa được giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc thì bổ sung thêm Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù giam (bản chính hoặc bản sao) của cơ quan có thẩm quyền. Đối tượng bị kết án tù giam trước ngày 01 tháng 01 năm 1995, đã chấp hành xong án phạt tù giam chuyển về địa phương, chưa giải quyết chế độ, chính sách, Bộ Quốc phòng tổng hợp hồ sơ, trao đổi, thống nhất với Bộ Nội vụ¹¹ để vận dụng giải quyết chế độ hưu trí theo quy định tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP đối với từng trường hợp cụ thể.

- Hồ sơ xét hưởng chế độ một lần (đối với đối tượng đã tù trần) được lập thành 4 bộ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị của thân nhân đối tượng (Mẫu số 02-NĐ159-11);

¹¹ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

+ Giấy chứng tử bản sao (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân đối tượng không phải nộp giấy tờ này)¹²; giấy ủy quyền của các thân nhân (nếu có) (Mẫu số 03-NĐ159-11) đối với trường hợp đã từ trần;

+ Một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét hưởng chế độ quy định tại Điểm a Khoản 1 Mục này;

+ Công văn đề nghị của các cấp.

2. Trình tự và trách nhiệm thực hiện

2.1.¹³ Đối với đối tượng thuộc diện được hưởng chế độ hưu trí và thân nhân của đối tượng đã từ trần

Nộp hồ sơ cho Ban chỉ huy quân sự xã, phường nơi¹⁴ thường trú; số lượng 01 bộ, gồm các giấy tờ theo quy định sau đây:

a) Đối tượng thuộc diện được hưởng chế độ hưu trí

+ Đơn đề nghị của đối tượng 01 bản (Mẫu số 01-NĐ159-11), bản chính;

+ Một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét hưởng chế độ quy định tại Điểm a Khoản 1 Mục này (01 bản);

b) Thân nhân của đối tượng đã từ trần

+ Đơn đề nghị của thân nhân đối tượng 01 bản (Mẫu số 02-NĐ159-11), bản chính;

+ 01 giấy chứng tử (¹⁵bản sao); 01 giấy ủy quyền của các thân nhân (nếu có) (Mẫu số 03-NĐ159-11), bản chính;

+ Một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét hưởng chế độ quy định tại Điểm a Khoản 1 Mục này (01 bản).

¹² Đoạn này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.

¹⁴ Cụm từ “đăng ký hộ khẩu” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁵ Cụm từ “bản chính hoặc” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

2.2. ¹⁶ *Được bãi bỏ*

2.3. Đối với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố):

- a. Tuyên truyền, phổ biến chính sách; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện;
- b. Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân xã¹⁷ báo cáo;
- c. Chỉ đạo cơ quan chính sách, cán bộ, quân lực hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ theo quy định tại Thông tư này;
- d. Tổ chức xét duyệt đối tượng; hoàn thành và lập đủ các bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Mục III Thông tư này (các giấy tờ được photô và xác nhận của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh);
- đ. Làm công văn báo cáo Cục Chính trị quân khu (Mẫu số 04-159);
- e. Chi trả chế độ một lần cho thân nhân đối tượng đã từ trần khi có quyết định và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

2.4. Đối với quân khu:

- a. Tuyên truyền, phổ biến chính sách; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện;
- b. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị cung cấp hồ sơ của các đối tượng thuộc trách nhiệm quản lý khi có yêu cầu;
- c. Tiếp nhận hồ sơ của cơ quan quân sự tỉnh (thành phố) báo cáo;
- d. Xét duyệt, lập danh sách, đăng ký quản lý, ra quyết định thực hiện chế độ hưu trí (Mẫu số 05-159), làm công văn đề nghị Cục Chính sách-Xã hội¹⁸ (BHXH Quân đội) xem xét giải quyết (Mẫu số 06-159).

2.4a.¹⁹ Đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội thực hiện trách nhiệm như đối với quân khu; chỉ đạo Cục Chính trị thực hiện trách nhiệm tương tự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố).

¹⁶ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁷ Cụm từ “cơ quan quân sự huyện (quận)” được thay thế bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁸ Cụm từ “Cục Chính sách” được thay thế bằng cụm từ Cục Chính sách-Xã hội theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁹ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLDTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLDTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.

2.4b.²⁰ Thời gian xét duyệt, thẩm định ở các cấp được thực hiện như sau:

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ban chỉ huy quân sự xã hoàn thành việc tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định do Ban chỉ huy quân sự xã báo cáo, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ (hưu trí 05 bộ, trợ cấp 1 lần 04 bộ) báo cáo Bộ Tư lệnh quân khu (qua Cục Chính trị), Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Cục Chính trị quân khu hoàn thành việc thẩm định, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Thủ trưởng Bộ Tư lệnh quân khu đề nghị Bảo hiểm xã hội Quân đội xem xét, ra quyết định hưởng chế độ cho các đối tượng theo quy định.

Đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Cục Chính trị hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Thủ trưởng Bộ Tư lệnh đề nghị Bảo hiểm xã hội Quân đội xem xét, ra quyết định hưởng chế độ cho các đối tượng theo quy định.

2.5.²¹ Cục Chính sách - Tổng cục Chính trị

Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng chỉ đạo triển khai, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng hướng dẫn tại Thông tư này; phối hợp giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2.5a. Bảo hiểm xã hội Quân đội²²

²⁰ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011; khoản 1 Điều 3 Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

²¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.

²² Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định của Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chuyển đến, Bảo hiểm xã hội Quân đội²³ hoàn thành việc xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ hưu trí (Mẫu số 07-NĐ159-11), chế độ một lần (Mẫu số 08-NĐ159-11);

- Truy trả lương hưu cho đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Mục I Thông tư này từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến tháng từ trần và chế độ mai táng phí, chế độ tử tuất một lần đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Mục I Thông tư này nếu đã từ trần trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 3 năm 2011;

- Xét hưởng và chi trả chế độ phụ cấp khu vực một lần (nếu có) cho đối tượng theo quy định tại Nghị định số 122/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về việc thực hiện phụ cấp khu vực đối với người hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội một lần, trợ cấp mất sức lao động và trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng;

- Lưu trữ hồ sơ xét hưởng chế độ và chuyển hồ sơ tới các cơ quan, đơn vị, đối tượng theo quy định

2.6. Cơ quan cán bộ, Quân lực các cấp trong Quân đội:

Cung cấp, kiểm tra, xác nhận hồ sơ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu của đối tượng hoặc cơ quan quân sự địa phương. Trường hợp đơn vị giải quyết cho đối tượng phục viên, xuất ngũ nay đã sáp nhập, giải thể thì cơ quan, đơn vị cấp trên chịu trách nhiệm giải quyết.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm Bộ Quốc phòng

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, lập hồ sơ; ra quyết định và hoàn chỉnh thủ tục hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, chế độ một lần; chi trả chế độ một lần thuộc phạm vi giải quyết theo quy định tại Thông tư này.

Đối với những trường hợp có vướng mắc về cách tính hưởng chế độ, Bộ Quốc phòng trao đổi thống nhất với Bộ Nội vụ²⁴ và Bộ Tài chính xem xét giải quyết.

sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

²³ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

²⁴ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

2. Trách nhiệm Bộ Tài chính

Phối hợp với Bộ Quốc phòng bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ.

3. Trách nhiệm Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Hướng dẫn Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương²⁵ về việc tiếp nhận hồ sơ hưởng chế độ hưu trí do cơ quan BHXH quân đội chuyển đến, thực hiện chi trả lương hưu hàng tháng và các chế độ khác đối với người hưởng chế độ hưu trí theo quy định tại Thông tư này.

4. Nguồn kinh phí bảo đảm

- Kinh phí chi trả chế độ một lần do Bộ Tài chính bảo đảm qua Bộ Quốc phòng bao gồm trợ cấp chi trả và kinh phí lập hồ sơ xét duyệt là 20.000 đồng/hồ sơ;
- Kinh phí bảo đảm chế độ hưu do Bộ Tài chính chuyển Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi trả.

5. Hiệu lực thi hành²⁶

²⁵ Cụm từ “BHXH các tỉnh (thành phố)” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

²⁶ Điều 2 của Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011, quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.
2. Chế độ hưu trí đối với các đối tượng hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 11/2011/NĐ-CP. Khi hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, các đối tượng không phải truy nộp số tiền trợ cấp phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc đã nhận.
3. Đối với các đối tượng đã hưởng chế độ trợ cấp một lần hoặc trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương, nếu nay đủ điều kiện được hưởng chế độ hưu trí quy định tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP, Nghị định số 11/2011/NĐ-CP thì được chuyển đổi thực hiện chế độ hưu trí theo quy định. Khi hưởng chế độ hưu trí hàng tháng các đối tượng trên nộp lại số tiền trợ cấp đã nhận vào ngân sách nhà nước; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố) nơi đối tượng nhận trợ cấp truy thu đối với đối tượng hưởng trợ cấp một lần; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh (thành phố) nơi chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng truy thu đối với đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng. Đối tượng đang hưởng trợ cấp hàng tháng khi hưởng chế độ hưu trí thì thôi hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2010.

Số tiền thu được nộp về cơ quan tài chính cấp trên cho đến Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nộp vào ngân sách nhà nước và quyết toán với Bộ Tài chính theo quy định.

4. Trường hợp đối tượng có cả thời gian công tác trong Công an nhân dân và Quân đội nhân

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

dân thì đơn vị công tác cuối cùng giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành giải quyết chế độ hưu trí cho đối tượng theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo liên Bộ (qua Cục Chính sách - Bộ Quốc phòng) để xem xét, giải quyết./.”

Điều 19 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025 quy định như sau:

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

2. Thay thế một số cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại các điều, khoản, điểm sau đây:

- Tại điểm b khoản 3 Mục II Thông tư liên tịch số 27/2004/TTLT-BQP-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2004 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 215/2003/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng trực tiếp làm công tác quản lý giáo dục, chăm sóc khám chữa bệnh hoặc đấu tranh với các đối tượng nhiễm HIV/AIDS;

- Tại Điều 4, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 53/2024/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

b) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại các điều, khoản, điểm sau đây:

- Tại điểm a, điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 06/2015/TT-BQP ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định, hướng dẫn vận động đóng góp, quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa trong Bộ Quốc phòng;

- Tại khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 53/2024/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

3. Các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nhận hồ sơ.

4. Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (khi có đủ điều kiện) theo quy định tại Thông tư này được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật và bổ sung giấy tờ, tài liệu vào thành phần hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp, xuất trình những giấy tờ, tài liệu này.

5. Đối với đối tượng công an nhân dân đề nghị hưởng chế độ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ thì trách nhiệm, trình tự giải quyết thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nhận hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện từ 01/01/2007.

Khi hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, các đối tượng không phải truy nộp số tiền trợ cấp phục viên, xuất ngũ đã nhận.

Đối tượng đồng thời là thương binh vẫn được hưởng các chế độ, quyền lợi đối với thương binh theo quy định hiện hành.

Những người có hành vi khai man, hoặc làm sai lệch, giả mạo hồ sơ, ngoài việc bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Liên Bộ để xem xét, giải quyết./. 

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 40 /VBHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Lãnh đạo BQP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Công an;
- BTTM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Các Cục: Chính sách-Xã hội, ⁽⁰³⁾ Cán bộ, Quân lực, Tài chính, Pháp chế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL/Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Công TTĐT ngành Chính sách QĐ (để đăng tải);
- Lưu: VT, NCTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

Phụ lục 1²⁷**BẢNG ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG HƯU**

TT	Tên văn bản	Thời gian điều chỉnh	Đối tượng và mức điều chỉnh	
			Đối tượng có mức lương dưới hệ số 4,4 theo Nghị định số 25/CP	Đối tượng có mức lương từ hệ số 4,4 đến dưới hệ số 7,2 theo Nghị định số 25/CP
1	Nghị định 208/2004/NĐ-CP	Từ 01/10/2004	10%	10%
2	Nghị định 117/2005/NĐ-CP	Từ 01/10/2005	10%	8%
3	Nghị định 118/2005/NĐ-CP	Từ 01/10/2005	20,7%	20,7%
4	Nghị định 93/2006/NĐ-CP	Từ 01/10/2006	10%	8%
5	Nghị định 94/2006/NĐ-CP	Từ 01/10/2006	28,6%	28,6%
6	Nghị định 166/2007/NĐ-CP	Từ 01/01/2008	20%	20%
7	Nghị định 101/2008/NĐ-CP	Từ 01/10/2008	15%	15%
8	Nghị định 34/2009/NĐ-CP	Từ 01/5/2009	5%	5%
9	Nghị định 29/2010/NĐ-CP	Từ 01/5/2010	12,3%	12,3%

²⁷ Phụ lục này được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011.

Phụ lục 2²⁸

(Ban hành kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP
ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu số 01-NĐ159-11	Đơn đề nghị hưởng chế độ hưu trí
Mẫu số 02-NĐ159-11	Đơn đề nghị hưởng chế độ một lần
Mẫu số 03-NĐ159-11	Giấy ủy quyền
Mẫu số 04-NĐ159-11	Công văn đề nghị (dùng cho cấp ²⁹ tỉnh)
Mẫu số 05-NĐ159-11	Quyết định về việc thực hiện chế độ hưu trí (dùng cho cấp quân khu, BTL Thủ đô Hà Nội)
Mẫu số 06-NĐ159-11	Công văn đề nghị (dùng cho cấp quân khu, BTL Thủ đô Hà Nội)
Mẫu số 07-NĐ159-11	Quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí của Bảo hiểm xã hội Quân đội ³⁰
Mẫu số 08-NĐ159-11	Quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần của Bảo hiểm xã hội Quân đội ³¹

²⁸ Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2011 được thay thế theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

²⁹ Cụm từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

³⁰ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

³¹ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ
Theo Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 và Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ

Kính gửi: (1)

Tên tôi là: Nam, nữ:.....
 ngày, tháng, năm sinh:
 Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Ngày tuyển dụng: .../.../.....; ngày nhập ngũ: .../.../.....
 Ngày phục viên, xuất ngũ:/...../.....; ngày tái ngũ:/...../.....
 Ngày phục viên, xuất ngũ; thôi việc; chuyển ngành (đối với đối tượng chuyển ngành hoặc chuyển sang CNVCQP); hoặc chấp hành xong án tù giam (đối với đối tượng bị tù giam); hoặc chuyển về trung tâm điều dưỡng thương binh:/...../.....
 Tổng số thời gian công tác:năm.....tháng; trong đó thời gian phục vụ quân đội..... nămtháng.
 Cấp bậc, chức vụ, cơ quan, đơn vị khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc; hoặc chuyển về trung tâm điều dưỡng thương binh; hoặc trước khi bị tòa kết án tù giam:
 Đã được hưởng chính sách: (2).....
 Giấy tờ kèm theo gồm:

 Tôi làm đơn này đề nghị các cấp xem xét, quyết định cho tôi được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP, Nghị định số 11/2011/NĐ-CP.

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1)- Ủy ban nhân dân xã, phường nơi thường trú
 (2)- Phục viên, xuất ngũ, thôi việc, thương binh; chế độ trợ cấp một lần hoặc hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ MỘT LẦN
Theo Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 và Nghị định số
11/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ

Kính gửi: (1)

Tên tôi là: Năm sinh:.....

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:

Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là:

Thân nhân của đối tượng gồm:

.....

Họ và tên đối tượng:; sinh năm:; Nam, nữ:.....

Ngày tuyển dụng: .../.../...; ngày nhập ngũ: .../.../...

Ngày phục viên, xuất ngũ:/...../.....; ngày tái ngũ:
/...../.....

Ngày phục viên, xuất ngũ; thôi việc; chuyển ngành (đối với đối tượng chuyển ngành hoặc chuyển sang CNVCQP); hoặc chấp hành xong án tù giam (đối với đối tượng bị tù giam); hoặc chuyển về trung tâm điều dưỡng thương binh:
/...../.....

Tổng số thời gian công tác:năm.....tháng; trong đó thời gian phục vụ quân đội.....nămtháng.

Đã được hưởng chế độ: (2).....

.....

Từ trần ngày.....tháng.....năm.....tại xã (phường).....³²
 tỉnh (thành phố).....

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp xem xét, giải quyết chế độ một lần cho ông (bà) theo quy định tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP, Nghị định số 11/2011/NĐ-CP.

Giấy tờ kèm theo gồm:

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1)- Ủy ban nhân dân xã, phường nơi thường trú
- (2)- Phục viên, xuất ngũ, thôi việc, thương binh.

³² Cụm từ “huyện (quận) được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

**Về việc kê khai hưởng chế độ một lần theo Nghị định số 159/2006/NĐ-CP và
Nghị định số 11/2011/NĐ-CP của Chính phủ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường).....³³.... tỉnh (thành phố).....

Tên tôi là: Năm sinh:.....

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....

Quê quán:

Nơi thường trú:

Nghề nghiệp:

Là..... của ông (bà).....thuộc đối tượng được thực hiện
chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP, Nghị định số
11/2011/NĐ-CP.

Nay ủy quyền cho ông (bà).....quan hệ với đối tượng là.....

Thường trú tại xã (phường)³⁴..... tỉnh (thành phố)

.....

Chịu trách nhiệm đứng tên kê khai để hưởng chế độ một lần.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ (PHƯỜNG)
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm
NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

³³ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

³⁴ Cụm từ “huyện (quận)” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Mẫu số 04-NĐ159-11

.....

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/CV

....., ngày ... tháng ... năm 20...

V/v thực hiện chế độ tại Nghị

định số 159/2006/NĐ-CP và

Nghị định số 11/2011/NĐ-CP

Kính gửi: (2)

Căn cứ Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 và Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007, Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Thông tư số /2024/TT-BQP ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ hồ sơ của đối tượng, (1) xác nhận và đề nghị:

Ông (bà) sinh năm.....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:

Là đối tượng được hưởng chế độ (3) theo quy định tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP, Nghị định số 11/2011/NĐ-CP.

Hồ sơ kèm theo gồm:

-

-

Đề nghị(2) xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- (2);

- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

(1) Cấp đề nghị.

(2) Cấp trên trực tiếp.

(3) Hưu trí hàng tháng hoặc chế độ một lần.

Mẫu này dùng cho cấp³⁵ tỉnh.

³⁵ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Mẫu số 05-NĐ159-11

BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-159-11

....., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện chế độ hưu trí

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU

Căn cứ Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 và Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Thông tư số /2024/TT-BQP ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Chính trị Quân khu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà)

Sinh ngày:

Quê quán:.....

Nơi thường trú:

Ngày tuyển dụng:/...../.....; ngày nhập ngũ:/...../.....

Ngày xuất ngũ:/...../.....; ngày tái ngũ:/...../.....

Ngày phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc.....

Cấp bậc:; chức vụ:.....

Mức lương.....

Đơn vị:.....

Tổng thời gian công tác được tính hưởng BHXH:
.....năm.....tháng.

Nay được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng kể từ ngày.....tháng.....năm.....

Điều 2. Chế độ hưu trí của ông (bà).....do Bảo hiểm xã hội Quân đội³⁶ giải quyết theo quy định của Nghị định số 159/2006/NĐ-CP, Nghị định số 11/2011/NĐ-CP.

Điều 3. Số tiền truy thu trợ cấp hàng tháng hoặc một lần đã nhận theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg (nếu có) là:

Điều 4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BHXHVN;
- BHXH Quân đội³⁷;
- BHXH tỉnh...;
- Cá nhân tại Điều 1;
- Lưu ...

CHÍNH ỦY

³⁶ Từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

³⁷ Từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Mẫu số 06-NĐ159-11

BTL QUÂN KHU.....
CỤC CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/CV-159-11

....., ngày ... tháng ... năm 20...

V/v thực hiện chế độ tại Nghị định
số 159/2006/NĐ-CP và Nghị định số
11/2011/NĐ-CP

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội Quân đội³⁸.

Căn cứ Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 và Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Thông tư số /2024/TT-BQP ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ vào hồ sơ của đối tượng và đề nghị của các cấp có thẩm quyền,

Cục Chính trị Quân khu.....đề nghị Bảo hiểm xã hội Quân đội³⁹ giải quyết chế độ (1).....cho.....đối tượng theo quy định tại Nghị định số 159/2006/NĐ-CP, Nghị định số 11/2011/NĐ-CP.

(Có danh sách và hồ sơ kèm theo)

CHỦ NHIỆM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

(1) Hưu trí hàng tháng hoặc chế độ một lần

Mẫu này dùng cho cấp quân khu và BTL Thủ đô Hà Nội.

³⁸ Từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

³⁹ Từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Mẫu số 07-NĐ159-11

BỘ QUỐC PHÒNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI QUÂN ĐỘI⁴⁰

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-HT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

HUU TRÍ-NĐ159-11

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI QUÂN ĐỘI⁴¹

Căn cứ Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006, Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Thông tư số /2024/TT-BQP ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ hồ sơ giải quyết chế độ hưu trí đối với ông (bà)

.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà).....Nam, nữ.....; Sinh: .../.../.....

Cấp bậc, chức vụ khi phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc:.....

Đơn vị:

Ngày tuyển dụng:/...../.....; ngày nhập ngũ:/...../.....

Ngày xuất ngũ:/...../.....; ngày tái ngũ:/...../.....

Ngày phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc.....

Tổng thời gian công tác được tính hưởng BHXH là: năm.....tháng;
 trong đó có:

⁴⁰ Từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁴¹ Từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

- Thời gian làm việc trong lực lượng vũ trang:năm.....tháng.
- Thời gian làm việc được tính tuổi quân:năm.....tháng.
- Thời gian khác:năm.....tháng.

Mức bình quân tiền lương, tiền công tháng làm căn cứ tính lương hưu.....đồng.

Tỷ lệ % để tính lương hưu.....

Được hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày.....tháng.....năm.....

Điều 2. Mức hưởng chế độ hưu trí như sau:

a) Trợ cấp khu vực một lần (nếu có):đồng; trong đó:

Ngân sách nhà nước đảm bảo:đồng; Quỹ BHXH đảm bảo:đồng.

b) Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu (nếu có):x.....tháng =đồng.

Tổng số tiền trợ cấp một lần ($a \div b$):đồng.

(Bằng chữ:.....)

Nơi nhận:.....

c) Lương hưu hàng tháng:x.....% =đồng.

(Bằng chữ:.....)

Nơi nhận lương hưu:.....

Điều 3. Trưởng phòng Chế độ bảo hiểm xã hội⁴², Thủ trưởng đơn vị có liên quan và ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BHXHVN;
- BHXH tỉnh...;
- Bộ CHQS tỉnh...;
- Cá nhân tại Điều 1;
- Lưu: BHXH Quân đội⁴³

GIÁM ĐỐC

⁴² Cụm từ “Trưởng phòng chế độ chính sách Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Trưởng phòng Chế độ bảo hiểm xã hội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁴³ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Mẫu số 08-NĐ159-11

BỘ QUỐC PHÒNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI QUÂN ĐỘI⁴⁴

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-159-11

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TRỢ CẤP MỘT LẦN-NĐ159-11

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI QUÂN ĐỘI⁴⁵

Căn cứ Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006, Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Thông tư số /2024/TT-BQP ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân Ông (bà)từ trần ngày....tháng....năm.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà).....là.....của ông (bà).....số sổ BHXH.....

Cấp bậc, chức vụ khi phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc:.....

Đơn vị:

Ngày tuyển dụng:/...../.....; ngày nhập ngũ:/...../.....

Ngày xuất ngũ:/...../.....; ngày tái ngũ:/...../.....

Ngày phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc.....

⁴⁴ Từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁴⁵ Từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Tổng thời gian công tác trong quân đội đến tháng....năm lànăm.....tháng.

Thay mặt các thân nhân nhận:

a) Trợ cấp khu vực một lần (nếu có):.....đồng; trong đó:

Ngân sách nhà nước đảm bảo:.....đồng; Quỹ BHXH đảm bảo:.....đồng.

b) Trợ cấp một lần: 3.600.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Tổng số tiền trợ cấp một lần (a+b):đồng.

(*Bằng chữ:.....*)

Nơi nhận trợ cấp:.....

Điều 2. Trưởng phòng Chế độ bảo hiểm xã hội⁴⁶, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BHXHVN;
- Quân khu...;
- Bộ CHQS tỉnh...;
- Cá nhân tại Điều 1;
- Lưu: BHXH Quân đội⁴⁷

GIÁM ĐỐC

PHÒNG

⁴⁶ Cụm từ “Trưởng phòng chế độ chính sách Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Trưởng phòng Chế độ bảo hiểm xã hội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁴⁷ Từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.